

**CÔNG TY CỔ PHẦN MEDIA LIVESTREAM GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MEDIA LIVESTREAM GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MEDIA LIVESTREAM GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MEDIA LIVESTREAM GROUP

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110529325

**3. Ngày thành lập:** 02/11/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12A, ngõ 39 Trần Kim Xuyên, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0945628798

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                                              | 4610     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                          | 4620     |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                                                  | 4631     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4632     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                                                                           | 4649     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;                                                                                                                                                             | 4669     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ các cuộc gọi trong nước, trả lời các cuộc gọi từ khách hàng;<br>- Dịch vụ các cuộc gọi ra nước ngoài sử dụng phương thức đơn giản để bán hoặc tiếp thị hàng hóa cho khách hàng và các hoạt động tương tự cho khách hàng. | 8220     |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230     |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                             | 8299     |
| 11. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                  | 9329     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú                                                                                                                                                                                                                               | 9620        |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                          | 6202        |
| 14. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, công nghệ mạng                                                                                                                        | 6209        |
| 15. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                           | 6311        |
| 16. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Tạo lập trang chủ internet                                                                                                                                                                                                                       | 6312        |
| 17. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn kế toán, tư vấn thuế, tư vấn chứng khoán)                                                                                 | 6619        |
| 18. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                          | 7110        |
| 19. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7310        |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                         | 4711        |
| 21. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                            | 4721        |
| 22. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                             | 4722        |
| 23. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                               | 4774        |
| 24. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                             | 4781        |
| 25. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                     | 4782        |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet;<br>- Bán trực tiếp qua ti vi, đài, điện thoại;<br>(Trừ hoạt động đấu giá tài sản)                          | 4791(Chính) |
| 27. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ.<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng)<br>(Trừ hoạt động đấu giá tài sản) | 4799        |
| 28. | Bưu chính                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5310        |
| 29. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                    | 5510        |
| 30. | Xuất bản phần mềm<br>Trừ hoạt động xuất bản phẩm                                                                                                                                                                                                                             | 5820        |
| 31. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Đại lý cung cấp dịch vụ internet và gia tăng trên mạng                                                                                                                                                                                | 6190        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 32. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 33. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 34. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |
| 35. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 26.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.600.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                   | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐẶNG ĐỨC LONG | 160 Ý Lan<br>Nguyễn Phi,<br>Phường Hoà<br>Cường Bắc, Quận<br>Hải Châu, Thành<br>phố Đà Nẵng,<br>Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.080.000  | 20.800.000.000        | 80,000    | 0270720089<br>26                                                                            |         |
|     |               |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                          | Tổng số                   | 2.080.000  | 20.800.000.000        | 80,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                                          |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                          |                           |         |               |        |              |  |
|---|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | TRỊNH THU HƯƠNG | Số 12A, ngõ 39 Trần Kim Xuyến, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 260.000 | 2.600.000.000 | 10,000 | 031300006026 |  |
|   |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                          | Tổng số                   | 260.000 | 2.600.000.000 | 10,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                          |                           |         |               |        |              |  |
| 3 | TRẦN QUANG HUY  | Tổ 38, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông         | 260.000 | 2.600.000.000 | 10,000 | 048099007099 |  |
|   |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                          | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                          | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                          | Tổng số                   | 260.000 | 2.600.000.000 | 10,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                          |                           |         |               |        |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRỊNH THU HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 05/12/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031300006026

Ngày cấp: 01/03/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Tổ Dân Phố 12, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 12A, ngõ 39 Trần Kim Xuyến, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội